

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/08/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	CLO+TD3+TD1	7:25	16+6	0+0			0+0	TRANS 1 PAX CLO-TD1
2	410	JS2+P11+AMD	7:25	22+0+0	0+0+0			20+1+1	
3	420	DD8+CNV+AMD	7:25	8+0+13	0+0+0			0+3+19	
4	846	PPD+RP1+RCDM	9:25	11+11+0	0+0+0			5+9+7	
5	410	CTK3+BK4+P1	9:25	22+0+0	0+0+0			14+1+0	TRANS 7 PAX BK4 -P1
6	420	TD1+P3+PPD	9:25	7+5+10	0+0+0			4+0+18	
7	610	T.UNG	9:30	16	0			14	
8	846	BK16+GTCL+PPD	11:25	8+9+5	0+0+0			5+5+12	
9	410	CTK3+PPD	11:25	18+4	0+0			15+6	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/ KHÁCH ĐI, VÉ PVD2, P2 QUA ĐIỂM PPD-40



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/08/2017	TO: CLO - TD3 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hòì - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUẬN	CLO	02	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
2	TRINH DUY THANH	CLO	01	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
3	LE MINH HOANG	CLO	10	1	10	40	75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY NAM	CLO	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH CUONG	CLO	13	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG VAN ĐO	CLO	11	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN LY	CLO	06	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUANG HUY	CLO	05	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO THANH LIEM	CLO	14	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN BUI QUANG	CLO	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	TO QUANG TUAN	CLO	09	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LINH	CLO	03	1	8		78	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEU	CLO	04	1	15		80	DVL	Vietnamese
14	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	CLO	07	1	15		82	DVL	Vietnamese
15	PHAN ĐANG TUAN	CLO	15	1	11		60	DVL	Vietnamese
16	HOANG VAN NAM	TD1	17	1	8		88	KHOAN	Vietnamese
17	TRƯỜNG HOANG KHANH	TD1	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	15	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH THUY	TD1	13	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LANG	TD1	12	1	5	43	78	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN HUU	TD1	14	1	3		55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	15	15	119	1.055	40	14	f1	CHUYEN 01 PAX TU CLO SANG TD1
2	TD3	0	0	0	0	0	1		
3	TD1	6	6	35	411	43	7		
TOTAL		21	21	154	1.466	83	22		
WEIGHT KG				154	1.466	83			

GRAND TOTAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Aug-17	TO: JS2 - P11 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NAM	JS2	95	1	11	5	75	VSP	Vietnamese
2	NGUYEN BINH MINH	JS2	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE TRUNG HIEU	JS2	08-09	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	MICHAEL PATRICK	JS2	01	1	10		80	KHOAN	Indian
5	GALVIN NOEL GOMES	JS2	02-03	2	15		90	KHOAN	Indian
6	PAUL MARSHALL GRAEME	JS2	04-05	2	13		130	KHOAN	Australian
7	VO HUNG KHA	JS2	93	1	15		89	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH NGOC BINH	JS2	90	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
9	LE MANH HUNG	JS2	87	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN KHANH	JS2	85	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	JS2	88	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	89	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
13	DINH CAO CUONG	JS2	86	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH SON	JS2	83-84	2	20		60	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH MANH LINH	JS2	99,900	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
16	HUYNH VAN TRUNG	JS2	96-97	2	19		91	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG MINH	JS2	500	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
18	NGO THANH SON	JS2	07	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
19	HAN DAI HAO	JS2	06	1	14		80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM	JS2	94	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
21	MAI VAN DUONG	JS2	92	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN CHI LINH	JS2	91	1	8		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	28	235	1.700	5	20		
2	P11	0	0	0	0	30	1		
3	AMD	0	0	0	0	30	1		
TOTAL		22	28	235	1.700	65	22		
WEIGHT KG				235	1.700	65			

GRAND TOAL: 2.000 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/08/2017	TO: DD8 - CNV - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TTrung - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DD8	77	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ HỮU KÊ	DD8	78	1	9		79	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	DD8	74	1	12		79	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KIM HÀ	DD8	81	1	16		64	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN ĐẠO	DD8	79	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT HỮU	DD8	82	1	7	32	55	XAYLAP	Vietnamese
7	HUYNH KỶ MINH TUẤN	DD8	75-76	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUẢN	DD8	80	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
9	PETE BALL	AMD	84-85	2	16		112	BAB	S.African
10	NGUYỄN VĂN HAI	AMD	77	1	11		64	HLJOC	Vietnamese
11	TRINH THƯƠNG MAI	AMD	78-79	2	14		60	TLJOC	Vietnamese
12	LÊ THANH HAI	AMD	92	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	80	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	87	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	86	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	91	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	89-90	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHẢ	AMD	82	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
19	TẶNG XUÂN HAI	AMD	88	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI NGỌC THIẾT	AMD	81	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	AMD	85	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD8	8	9	103	514	32	0		
2	CNV	0	0	0	0	75	3		
3	AMD	13	16	125	901	0	19		
TOTAL		21	25	228	1.415	107	22		
WEIGHT KG				228	1.415	107			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/08/2017	TO: PPD - RP1 - RCDM	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hòì - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	54	1	6	30	64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN HAI	PPD	50-51	2	11	22	55	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ TIẾN MẠNH	PPD	46	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGỌC DUNG	PPD	45	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN GIANG	PPD	52	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC TRUONG	PPD	53	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THÔNG	PPD	47	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TÂN	PPD	48	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC ANH	PPD	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ NGỌC TÂM	RP1	36	1	12	20	86	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ KHÁC PHƯƠNG	RP1	35	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN MINH DUNG	RP1	37	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	RP1	43	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TINH	RP1	42	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KHUYNH	RP1	46	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC ANH	RP1	38-39	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MINH TÀI	RP1	40-41	2	8		68	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VIET ĐỨC	RP1	44-45	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐÀO XUÂN THANH	RP1	47-48	2	16		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN MAI CUONG	RP1					61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	11	60	701	52	6		
2	RP1	11	14	137	760	20	9		
3	RCDM	0	0	0	0	30	7		
TOTAL		22	25	197	1.461	102	22		
WEIGHT KG				197	1.461	102			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/08/2017	TO: CTK3 - BK4 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - THU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG QUOC VU	CTK3					67	SANBAY	Vietnamese
2	BOGDANOV	CTK3	37	1	15		82	KH-THAC	Rus
3	TRINH QUOC HUY	CTK3	94	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SAU	CTK3	29	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG XUAN HIEU	CTK3	40	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN DU	CTK3	41	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HIEN	CTK3				50	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	91	1	5	18	65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA HUE	CTK3	92	1	3	30	72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HE	CTK3	2000	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO HUU HUY TU	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC THAI	CTK3	93	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH NHO HOANG	CTK3	96	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU DINH HUY	CTK3	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM DUC BINH	CTK3	98	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUOC KHIEM	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE THANH CHUNG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUANG THANG	CTK3	50	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG QUANG HUY	CTK3	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	17	93	1.511	98	14		DIEU PHAI NGUYEN HUU TUNG
2	BK4	0	0	0	0	35	1 + f		CHUYEN 7 PAX TU BK4 SANG P1
3	P1	0	0	0	0	30	0		
TOTAL		22	17	93	1.511	163	15		
WEIGHT KG				93	1.511	163			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/08/2017	TO: TD1 - P3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH HUNG	TD1	28	1	13	35	74	COKHI	Vietnamese
2	ĐINH XUÂN HOÀ	TD1	05	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC QUANG	TD1	24	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	23	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HAI	TD1	25	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	22	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	26	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	27	1	14	10	74	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TUNG	P3	93	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN SY	P3	90	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH HOANG NGUYỄN	P3	92	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI ANH SON	P3					62	KH-THAC	Vietnamese
13	SEDENKIN V.V.	P3	91	1	5		92	KH-THAC	Russian
14	PHẠM VĂN DỤC	PPD	68	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG TRI DUNG	PPD	71	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	69	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI MẠNH CUÔNG	PPD	67	1	5	40	62	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRẦN VIỆT	PPD	70	1	3	35	65	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ CHI KIẾN	PPD					80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN CÔNG HÀ	PPD	73-74	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
22	KOROTKOV	PPD	75	1	12		100	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	8	61	538	45	4		
2	P3	5	4	22	354	0	0		
3	PPD	9	9	62	646	75	18		
TOTAL		22	21	145	1.538	120	22		
WEIGHT KG				145	1.538	120			

GRAND TOTAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Aug-17	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Thanh - Dũng	ETA: 13:00
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE	89	1	3		67	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIỆU NGHĨA	BK THIE	90	1	8		69	PVD	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	BK THIE	87	1	5		82	PVD	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THUY	BK THIE	59	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN SƠN	BK THIE	88	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN BA PHƯƠNG	BK THIE	80-81	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN QUANG HOÀ	BK THIE	83	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	KIỀU XUÂN TAM	BK THIE	85	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO DUY TỬ	BK THIE	82	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HẢI	BK THIE	86	1	5	65	82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	91	1	4	60	69	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐĂNG THANH	BK THIE	84	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE	65	1	5		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG THẮNG*	BK THIE	92	1	3		54	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HÙNG SƠN	BK THIE	61-62	2	15		50	PSV	Vietnamese
17	PHẠM CÔNG THẮNG	BK THIE	95	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	17	19	103	1.170	125	14		
	TOTAL	17	19	103	1.170	125	14		
	WEIGHT KG			103	1.170	125			

GRAND TOAL: 1.398 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Aug-17	TO: BK16 - GTC1 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hòì - DUONG - MQUÂN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TIEN	BK16	88	1	3	40	61	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM CUÔNG	BK16	87	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THANG	BK16	86	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH ĐIỆN	BK16	93	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRỊNH LÊ HUY	BK16	91	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
6	LAM NHẬT MINH	BK16	92	1	12		63	CODIEN	Vietnamese
7	MAI VAN SANG	BK16	94	1	7	27	60	CODIEN	Vietnamese
8	DƯƠNG QUANG VINH	BK16	89-90	2	14		84	PSV	Vietnamese
9	PABKIN A.M.	GTC1	24	1	9	40	80	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN HUU TAN	GTC1	33	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VU TRUNG KIEN	GTC1	32	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN BAC	GTC1	27	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DANH TRUNG	GTC1	29-30	2	17		60	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN HONG QUAN	GTC1	25-26	2	16		72	CODIEN	Vietnamese
15	LƯƠNG ANH VŨ	GTC1	28	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
16	PHAM VAN HUAN	GTC1	31	1	7		62	CODIEN	Vietnamese
17	NGÔ TRUNG LUYỀN	GTC1	23	1	10		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HUU TIỆP	PPD	85-86	2	14		77	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH THAO	PPD	84,89	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
20	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	83	1	5		71	KHI	Vietnamese
21	LÊ ĐÌNH VŨ	PPD	82	1	5	15	72	KHI	Vietnamese
22	TRAN VAN NGHIA	PPD	87	1	12		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	8	9	60	533	67	5		
2	GTC1	9	11	86	622	40	5		
3	PPD	5	7	53	375	15	12		
TOTAL		22	27	199	1.530	122	22		
WEIGHT KG				199	1.530	122			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/08/2017	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LBinh - TUYỀN - THỤ	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUU HA	CTK3	79	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN BINH	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MUOI	CTK3	81	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	80	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGHIEM XUAN ANH	CTK3	83	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN SON HA	CTK3	90	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	89	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM QUOC CUONG	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM THANH QUANG	CTK3	82	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN XUAN THIEN	CTK3	88	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
11	TRINH NGOC TU	CTK3	84	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
12	CAO XUAN DUNG	CTK3	87	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
13	LE QUOC GIANG	CTK3	85-86	2	15		60	CODIEN	Vietnamese
14	DANG HONG QUAN	CTK3					78	ANTOAN	Vietnamese
15	LE QUANG CANH	CTK3	78	1	6		70	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HUU VIET	CTK3	77	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG DUNG	PPD	59	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN DONG SON	PPD	59	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM VAN DONG	PPD	60	1	3	45	60	NIPI	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LINH	PPD	62	1	3		72	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN TEO	PPD	61	1	3		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

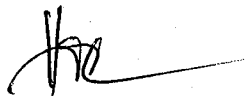
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	14	78	1.130	50	15		
2	PPD	5	5	26	334	45	5		
TOTAL		21	19	104	1.464	95	20		
WEIGHT KG				104	1.464	95			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

